

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06/8/2020

V/v: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông: Trần Thanh Vũ
  2. Bà: Phạm Thị Em
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 06/8/2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020, về việc: “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Kiều O**, sinh năm: 1985. Có mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn: Anh **Võ Tuấn N**, sinh năm: 1978. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Võ Thị Kiều O trình bày:***

Chị và anh Võ Tuấn N tự nguyện sống chung vào năm 2004, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp nên thường xuyên cãi vã và không quan tâm lẫn nhau. Chị nhiều lần động viên khuyên giải để hòa hợp nhưng không được nên vào tháng 3/2018 chị làm đơn gửi đến Tòa án yêu cầu được ly hôn với anh N. Sau đó, chị rút đơn khởi kiện nhằm tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng hai bên vẫn không hòa hợp được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên chị và anh N không còn sống chung từ tháng 12/2018 đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh N.

Trong thời gian chung sống chị và anh N có 02 con chung tên Võ Minh Điền, sinh ngày 06/4/2005 và Võ Ngọc Kim D, sinh ngày 08/01/2014 hiện đang sống với chị, chị yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn là anh Võ Tuấn N: Vắng mặt.**

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm:***

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Kiều O đối với anh Võ Tuấn N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết đối với bị đơn là anh Võ Tuấn N, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo luật định.

Tòa án đã tiến hành việc cấp tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai cho anh Võ Tuấn N để đưa vụ kiện ra xét xử nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, chị Võ Thị Kiều O và anh Võ Tuấn N kết hôn vào năm 2008 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống do vợ chồng không hòa hợp nên phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân. Chị O cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N thường dùng bạo lực đánh đập chị. Chị nhiều lần động viên khuyên giải tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng không được nên chị và anh N đã không còn sống chung từ tháng 12/2018 đến nay. Nay, chị khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh N. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên hòa giải và thông báo việc giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho anh chị đoàn tụ được mà lập biên bản hòa giải đoàn tụ không được và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Qua xác minh thu thập chứng cứ ở địa phương nơi anh chị sinh sống cho thấy, chị O và anh N đã xảy ra mâu thuẫn và có thời gian sống ly thân để tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được. Vào tháng 3/2018, chị O có làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân gia đình với anh N nhưng sau đó chị O rút đơn khởi kiện nhằm tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng không kết quả. Hiện, anh N cũng không đến Tòa án coi như đã từ bỏ thiện chí xin đoàn tụ với chị O. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị O và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị O, xử cho chị O được ly hôn với anh N.

[3] Trong thời gian chung sống, chị O và anh N có 02 con chung tên Võ Minh Điền, sinh ngày 06/4/2005 và Võ Ngọc Kim D, sinh ngày 08/01/2014 hiện đang sống với chị O. Chị O yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Hiện cháu Điền và cháu D đang sống với chị O, chị O vẫn đảm bảo được việc nuôi dạy con tốt không có vi phạm gì và cháu Điền cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo cho đời sống của con sau này và để không làm xáo trộn cuộc sống của con chung nên ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Giao cho chị O được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp, đồng thời ghi nhận chị O không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về nợ chung: Chị O khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị O phải chịu là 300.000 đồng.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Kiều O đối với anh Võ Tuấn N.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Võ Thị Kiều O và anh Võ Tuấn N được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Võ Thị Kiều O được tiếp tục trông nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Võ Minh Điền, sinh ngày 06/4/2005 và Võ Ngọc Kim D, sinh ngày 08/01/2014 cho đến khi cháu Điền và cháu D tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị O không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

4. Về nợ chung: Chị O khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

5. Về án phí: Chị Võ Thị Kiều O phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009900 ngày 23/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị O đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi cư trú của bị đơn để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- *TAND T. Bến Tre;*
- *VKS H. Châu Thành;*
- *THADS H. Châu Thành;*
- *UBND (nơi đăng ký kết hôn);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Hằng**

